**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN U MINH THƯỢNG**
TỈNH KIÊN GIANG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ - ST.
Ngày: 29/7/2020.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông Danh Siphal

2/ Bà Phạm Thị Lan

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2020, về việc tranh chấp " Ly hôn, nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Cao Văn Dũng, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Ấp Bàu Môn, xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. (ông Dũng - có mặt)

2/ Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: Ấp Xẻo Lùng, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. (bà Thanh - có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Cao Văn Dũng (sau đây gọi tắt là ông Dũng) trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Dũng và bà Lê Thị Thanh (sau đây gọi tắt là bà Thanh) chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/6/2015 tại UBND xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, xảy ra cự cải bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 30/4/2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống được với nhau. Ông Dũng yêu cầu ly hôn với bà Thanh.

- Về con chung: Ông Dũng và bà Thanh chung sống với nhau có 01 người con chung tên Cao Thuận, sinh ngày 18/7/2015, giới tính nam, con chung sống với bà Thanh từ ngày 30/4/2019 đến ngày 20/7/2020 ông Dũng rước con về thăm nhà nội. Ông Dũng yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Thanh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Theo bị đơn bà Lê Thị Thanh trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Thanh thống nhất theo lời trình bày của ông Dũng, bà Thanh đồng ý ly hôn với ông Dũng.

- Về con chung: Ông Dũng và bà Thanh chung sống có 01 người con chung tên Cao Thuận, sinh ngày 18/7/2015, giới tính nam, con chung sống với bà Thanh từ ngày 30/4/2019 đến ngày 20/7/2020 ông Dũng rước con về thăm nhà nội. Bà Thanh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Dũng cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3.** Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh, xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Dũng yêu cầu được ly hôn với bà Thanh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Dũng và bà Thanh chung sống với nhau vào năm 2014 đến ngày 11/6/2015 ông Dũng và bà Thanh đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc đến ngày 30/4/2019 vợ chồng đã ly thân cho đến nay, ông Dũng và bà Thanh không còn quan tâm cuộc sống của nhau mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Dũng yêu cầu ly hôn với bà Thanh căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có cơ sở chấp nhận.

[2]. Về con chung: Ông Dũng và bà Thanh chung sống với nhau có 01 người con chung tên Cao Thuận, sinh ngày 18/7/2015, giới tính nam, con chung do với bà Thanh trực tiếp nuôi dưỡng từ ngày 30/4/2019 đến ngày 20/7/2020 ông Dũng rước con về thăm nhà nội. Ông Dũng và bà Thanh đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con, HĐXX thấy rằng Cao Thuận còn nhỏ tuổi, từ nhỏ là do bà Thanh trực tiếp nuôi

dưỡng nên cần sự chăm sóc của người mẹ căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX giao con chung tên Cao Thuận, sinh ngày 18/7/2015, giới tính nam cho bà Thanh trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng, bà Thanh yêu cầu ông Dũng cấp dưỡng nuôi con chung, ông Dũng không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Bà Thanh yêu cầu ông Dũng cấp dưỡng nuôi con môi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Dũng hiện nay làm nghề sửa xe tại gia đình và kinh doanh nhỏ thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. HĐXX buộc ông Dũng phải cấp dưỡng cho con chung tên Cao Thuận, sinh ngày 18/7/2015, giới tính nam là mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng vào ngày 29 hàng tháng.

Ông Dũng có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về tài sản chung*: Ông Dũng và bà Thanh yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Ông Dũng và bà Thanh xác định không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp nếu phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] *Án phí sơ thẩm*: Ông Cao Văn Dũng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Tổng cộng án phí là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) được khấu trừ  số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004458, ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng. Ông Dũng phải nộp thêm án phí là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30.12.2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ông Cao Văn Dũng được ly hôn với bà Lê Thị Thanh.

2. Về con chung: Giao con chung tên Cao Thuận, sinh ngày 18/7/2015, giới tính nam cho bà Thanh trực tiếp nuôi dưỡng, ông Dũng có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Cao thuận mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi Cao Thuận đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng vào ngày 29 hàng tháng.

Ông Dũng có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp nếu phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông Cao Văn Dũng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Tổng cộng án phí là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004458, ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Ông Dũng phải nộp thêm án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận***
- *Tòa án ND tỉnh KG;*
- *VKS ND huyện UMT;*
- *Chi cục THA huyện UMT;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm Loan**